

**Luận Văn Group** hỗ trợ viết luận văn thạc sĩ, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập, Assignment, Essay

**Zalo/Sdt 0967 538 624/ 0886 091 915    Website: [lamluanvan.net](http://lamluanvan.net)**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TÀI CHÍNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**BỔ SUNG KIẾN THỨC  
MÔN KINH TẾ VI MÔ**

Chuyên ngành:

Mã ngành

**PHÂN TÍCH QUY LUẬT CUNG CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG  
CHỨNG KHOÁN**

**HVTH:**

**CBHD:**

**Luận Văn Group** hỗ trợ viết luận văn thạc sĩ, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập, Assignment, Essay  
**Zalo/Sdt 0967 538 624/ 0886 091 915    Website: [lamluanvan.net](http://lamluanvan.net)**

*TP Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2024*

## **NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

TP.HCM, ngày ..... tháng ... năm 20...  
**Người hướng dẫn**

## **1. Giải thích quy luật cung cầu trên thị trường chứng khoán**

Quy luật cung cầu là một lý thuyết nhằm giải thích mối quan hệ giữa sự sẵn có và mong muốn đối với một sản phẩm, và giá của nó. Quy luật cung cầu là sự điều chỉnh của thị trường với một mức giá cân bằng và một lượng giao dịch cân bằng sẽ được xác định. Thông thường, tính sẵn có thấp và nhu cầu cao sẽ làm tăng giá của một mặt hàng. Ngược lại, tính sẵn có cao và nhu cầu thấp sẽ làm giảm giá của mặt hàng đó. Trong đó:

- Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

- Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường hay có thể đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

### **1.1. Phân tích các biến động và hành vi phía Cung**

- Mua lại cổ phiếu

Các công ty có thể giảm nguồn cung cổ phiếu thông qua mua lại cổ phiếu của họ theo giá thị trường, thu hồi số cổ phiếu này, làm giảm tổng số cổ phiếu hiện có. Điều này dẫn đến giá cao hơn miễn là nhu cầu không giảm. Các công ty mua lại cổ phiếu vì các lý do sau: Nâng giá trị của số cổ phiếu còn lại bằng cách giảm nguồn cung trên thị trường hoặc để ngăn các cổ đông khác nắm cổ phần kiểm soát.

Trong một số trường hợp các công ty có xu hướng mua lại cổ phần của mình sau một thời gian thành công, khi công ty có nhiều tiền mặt. Việc mua lại cổ phiếu lúc nó đang bị định giá cao có thể khiến công ty nhận được số lượng cổ phần ít hơn so với số tiền bỏ ra và giữ lại số tiền mặt ít hơn điều này có thể khiến công ty gặp khó khăn khi hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng tiêu cực. Việc công ty mua lại cổ phiếu sẽ làm cho số lượng cung cổ phiếu trên thị trường giảm xuống, làm tăng giá cổ phiếu của doanh nghiệp.

- Hủy niêm yết

Hủy niêm yết thường xảy ra khi một công ty tuyên bố phá sản hoặc chuyển sang chế độ tư nhân, từ đó làm mất nguồn cung của cổ phiếu trên thị trường. Cổ phiếu bị hủy niêm yết thường có giá cực thấp, một số nhà đầu tư sẽ nhân cơ hội để mua vào số cổ

phiếu này với mong muốn có cơ hội chuyển mình trong tương lai. Mặc dù cơ hội rất nhỏ nhưng không phải là không có.

**- Phát hành cổ phiếu**

Nguồn cung cổ phiếu có thể tăng lên nếu công ty phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phát hành cổ phiếu phụ hoặc phát hành cổ phiếu mới. Các công ty tư nhân được niêm yết công khai trong đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, giúp họ tiếp cận thị trường đại chúng. Các công ty đang gặp khó khăn về tài chính hoặc cần vốn có thể phát hành thêm cổ phiếu. Điều này dẫn đến giá cổ phiếu giảm khi tổng cung cổ phiếu tăng lên.

**- Số lượng doanh nghiệp niêm yết trên thị trường:**

Từ khởi đầu sơ khai, số lượng doanh nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam ngày càng gia tăng, hiện lên tới hơn 1.700 doanh nghiệp trên cả 3 sàn HoSE, HNX, UPCoM. Tính riêng sàn HoSE, số lượng doanh nghiệp niêm yết đạt 409, tương ứng hơn 141 tỷ cổ phiếu lưu hành.

Nhóm các Công ty chứng khoán cũng tăng trưởng đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Nếu như thời điểm mới thành lập năm 2000, thị trường chỉ có sự tham gia của 6 CTCK thành viên thì đến nay, số lượng CTCK đã lên tới trên 70, trong đó bao gồm nhiều công ty có vốn đầu tư nước ngoài, thậm chí không ít CTCK có quy mô tương đương các ngân hàng tầm trung. Với số lượng doanh nghiệp niêm yết ngày càng tăng thì lượng cung cổ phiếu trên thị trường cũng lớn hơn.

***1.2. Phân tích các biến động và hành vi phía Cầu***

Nhu cầu về một cổ phiếu có thể thay đổi dựa trên động lực thị trường, điều kiện kinh tế, những thay đổi trong chính sách của ngân hàng trung ương và kết quả kinh doanh tốt hơn mong đợi (hoặc tệ hơn mong đợi).

**- Tình hình chính trị, chính sách của chính phủ:**

Khi nhà nước có những dấu hiệu chính trị bất ổn sẽ dễ dàng gây hoang mang cho tâm lý nhà đầu tư. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển kinh tế, trên thị trường chứng khoán những biến động bất ổn của chính trị khiến nhà đầu tư khá lo lắng và không

dám đầu tư liều lĩnh, nhu cầu mua cổ phiếu giảm xuống, giao dịch mua bán cổ phiếu từ đó cũng ít đi trong khoảng thời gian chính trị bất ổn.

Chính sách tiền tệ là chính sách kinh tế vĩ mô do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý, nhằm kiểm soát lượng cung tiền thông qua việc kiểm soát lãi suất giúp nền kinh tế đạt được sự cân bằng giữa tăng trưởng và lạm phát. Chính sách tiền tệ bao gồm Chính sách tiền tệ mở rộng (giảm lãi suất) và Chính sách tiền tệ thắt chặt (tăng lãi suất). Lãi suất là yếu tố quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đi vay mà các chủ thể trong nền kinh tế hay doanh nghiệp phải gánh chịu. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến khả năng tạo ra doanh thu lợi nhuận của doanh nghiệp từ đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong tương lai.

Khi xuất hiện điều chỉnh trong chính sách, nhiều nhà đầu tư không đủ tự tin để tiếp tục rót tiền nên giá cổ phiếu thường có xu hướng giảm, nhu cầu của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu cũng giảm xuống.

Một ví dụ điển hình cho sự tác động của chính sách tiền tệ đối với thị trường chứng khoán là vào đầu năm 2008, lúc này giá cổ phiếu lao dốc khiến hàng loạt nhà đầu tư chao đảo. Nguyên nhân chính là do chính sách tiền tệ thắt chặt (tăng lãi suất) của Ngân hàng Nhà nước. Việc áp dụng chính sách này khiến chi phí lãi vay tăng, doanh nghiệp khó tiếp cận vốn vay, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Ngoài ra nó còn tác động đến nhà đầu tư cá nhân khi lúc này họ sẽ thay đổi cách sử dụng tiền nhàn rỗi từ đầu tư chứng khoán sang gửi tiết kiệm dẫn đến lượng cầu cổ phiếu giảm theo. Nhưng không lâu sau đó, thị trường đã ổn định và tăng trưởng trở lại khi Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất cơ bản từ 8,5% xuống 7% đi kèm cùng với gói kích cầu hỗ trợ lãi suất 4% của Chính phủ. Tuy nhiên, sự sụt giảm lại một lần nữa xảy ra vào cuối tháng 11 năm 2009 khi Ngân hàng nhà nước lại tăng lãi suất cơ bản từ 7% lên 8%. Có thể thấy cầu trên thị trường chứng khoán rất “nhạy cảm” với những thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước.

- Xu hướng kinh tế:

Các xu hướng kinh tế ảnh hưởng đến hiệu suất của thị trường chứng khoán. Chẳng hạn, nó có thể là tỷ lệ thất nghiệp và số liệu GDP. Khi nền kinh tế hoạt động tốt, nhu cầu chứng khoán tăng lên, giá cả tăng vọt. Nhưng khi nền kinh tế suy thoái, nhu cầu giảm, kéo giá cổ phiếu xuống.

Lạm phát cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến cầu cổ phiếu, lạm phát khiến giá hàng hóa leo thang nên để kìm hãm lạm phát thì Ngân hàng Trung ương buộc phải thực hiện Chính sách tiền tệ thắt chặt, việc tăng lãi suất dẫn đến các doanh nghiệp phải chịu chi phí vay cao hơn cũng như giá nguyên liệu đầu vào tăng, làm giảm khả năng mở rộng sản xuất cũng như giảm doanh thu lợi nhuận. Tình hình kinh doanh không đạt như kỳ vọng sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu giảm và làm cầu cổ phiếu giảm theo.

- Lãi suất trên thị trường:

Một trong những yếu tố quan trọng về chính sách ảnh hưởng đến cung – cầu cổ phiếu trên thị trường là lãi suất. Giá cổ phiếu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi mức độ thay đổi của lãi suất, một sự thay đổi nhỏ trong lãi suất có thể gây ra một loạt các biến động trên thị trường chứng khoán. Lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đi vay của các nhà đầu tư, ngân hàng, doanh nghiệp và chính phủ, do đó có thể ảnh hưởng đáng kể đến lượng tiền chi tiêu, đầu tư trong nền kinh tế.

Khi lãi suất tăng, các nhà đầu tư phải cắt giảm khoản vay của họ vì chi phí vay trở nên đắt đỏ hơn. Các công ty cũng sẽ có xu hướng cắt giảm chi tiêu, qua đó tác động trực tiếp đến thu nhập của họ theo chiều hướng bất lợi. Khi không đạt được sự tăng trưởng, điều này sẽ dẫn đến sự lao dốc của giá cổ phiếu, và nếu xảy ra trên diện rộng ở toàn nhóm ngành, thị trường chứng khoán sẽ đồng thời lao dốc. Tất nhiên, lãi suất có xu hướng tăng khi nền kinh tế đang cải thiện, điều này làm tăng nhu cầu về cổ phiếu, do đó các yếu tố này điều hòa lẫn nhau.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Đầu tư cổ phiếu đồng nghĩa với việc gián tiếp đầu tư vào các công ty, các sản phẩm dịch vụ của công ty đó. Do đó yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giá cổ phiếu đó là tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

Doanh thu, lợi nhuận và dự báo của một công ty có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu. Vì triển vọng tươi sáng về mặt lịch sử có tương quan với mức giá cao hơn nên nhu cầu sẽ tăng lên khi doanh thu của công ty có vẻ tốt. Ngược lại, kết quả doanh thu kém thường dẫn đến xu hướng giá giảm. Lợi nhuận, doanh thu, tỷ suất lợi nhuận và triển vọng của các tập đoàn có tác động lớn đến nhu cầu đối với từng cổ phiếu. Nó giải thích cho sự biến động xuất hiện trước và sau khi họ công bố kết quả trong quý hoặc năm.

- Nguyên tắc quản lý của doanh nghiệp:

Các công ty được quản lý tốt với lịch sử vững chắc thường được nhiều nhà đầu tư yêu thích hơn là những doanh nghiệp với đội ngũ quản lý yếu kém đang phải vật lộn để kiếm được lợi nhuận.

Một công ty càng hấp dẫn, nhu cầu về cổ phiếu của nó càng lớn. Khi này, mức giá cổ phiếu thường sẽ tăng vọt. Tuy nhiên, nếu các nhà đầu tư thất vọng với kết quả hoạt động của công ty, họ có thể bán tháo. Thị trường sẽ tràn ngập cổ phiếu giá rẻ.

- Nhận thức của nhà đầu tư:

Nhận thức của nhà đầu tư là một lực lượng thị trường mạnh mẽ. Tin tức kinh tế, công nghiệp, thị trường hoặc doanh nghiệp đều có thể tác động đến nhận thức của nhà đầu tư về một cổ phiếu cụ thể. Trong đầu tư việc tham khảo ý kiến thị trường là rất cần thiết, tuy nhiên nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ lưỡng trước các chiều hướng đám đông vì dễ bị thị trường “đắt mũi”.

Thị trường chứng khoán là thị trường nhạy cảm, chỉ một thông tin gây nhiễu xuất hiện cũng có thể tạo biến động. Do đó, nhà đầu tư cần vững tâm lý để lọc thông tin và đưa ra quyết định đầu tư chính xác.

- Thông tin truyền thông:

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào đang có cổ phiếu trên sàn giao dịch họ rất ngại những thông tin truyền thông xấu. Giá cổ phiếu cũng sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các thông tin truyền thông về doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp đang có cổ phiếu trên sàn nhưng vướng phải những tin tức truyền thông xấu (ví dụ như trốn thuế, sản phẩm trục trặc không tốt..v.v.) sẽ khiến niềm tin của khách hàng đối với doanh nghiệp bị giao động,

nhà đầu tư sẽ ra sức bán để tránh rủi ro từ đó cổ phiếu doanh nghiệp đó sẽ có xu hướng giảm mạnh. Có rất nhiều trường hợp giá cổ phiếu bị ảnh hưởng mạnh bởi các thông tin truyền thông.

Đáng chú ý như mã cổ phiếu MWG của Công ty Đầu tư Thế Giới Di Động giá đóng cửa ngày 16/7/2021 là 168,100 ngàn đồng. Sau khi dính phải các lùm xùm tăng giá ở các cửa hàng Bách Hóa Xanh thì đến ngày 19/7/2021 giá cổ phiếu đã giảm xuống 156,500 ngàn đồng. Tức giảm 6,9% sau khi có các thông tin truyền thông không mấy tích cực. Do đó truyền thông cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến cầu trên thị trường cổ phiếu.

## **2. Phân tích doanh nghiệp độc quyền: Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN)**

### **2.1. Tại sao DN có vị thế độc quyền?**

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường. Một số yếu tố bất hợp lý của mô hình kinh tế trước đây vẫn còn tồn tại và đòi hỏi cần phải có những giải pháp cụ thể để giải quyết trong thời gian tới. Một trong những vấn đề cần giải quyết là tình trạng độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước. Sự tồn tại quá nhiều doanh nghiệp nhà nước (rất nhiều trong số đó kinh doanh không hiệu quả) và việc độc quyền của doanh nghiệp nhà nước trong nhiều lĩnh vực là một trong những lý do được các luật sư Mỹ sử dụng để khẳng định Việt Nam không có nền kinh tế thị trường trong vụ kiện cá da trơn của Việt Nam.

Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN) có vị thế độc quyền là kết quả của cơ chế hành chính trước đây và một số quy định của pháp luật cũng như các chính sách kinh tế hiện hành. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung cao độ trước đây, chúng ta chỉ thừa nhận hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân không tồn tại trong thời gian đó. Chế độ công hữu này đã tạo ra sự độc quyền nhà nước trong tất cả các ngành kinh tế. Nhà nước thành lập các xí nghiệp quốc doanh để sản xuất và cung ứng sản phẩm cho người tiêu dùng.

Ở nước ta đã có một số doanh nghiệp sản xuất điện nhưng chỉ EVN được nắm giữ hệ thống truyền tải điện. Trong thị trường điện lực, việc sản xuất điện có liên quan mật thiết đến việc truyền tải điện. Điều này làm cho các doanh nghiệp sản xuất điện phải phụ

thuộc vào EVN - một đối thủ cạnh tranh trên cùng thị trường. Chính vì vậy, độc quyền của EVN đối với việc kinh doanh điện là điều không thể tránh khỏi.

Việc pháp luật quy định nhà nước nắm độc quyền đối với các “phương tiện thiết yếu” như đường trục viễn thông quốc gia, hệ thống dây tải điện hay các nhà ga sân bay, hệ thống đường sắt nhưng không có sự tách biệt rõ ràng các yếu tố thuộc về cạnh tranh tiềm năng và các yếu tố thuộc về độc quyền tự nhiên đã làm cho độc quyền nhà nước biến thành độc quyền doanh nghiệp. Những quy định này là không phù hợp với các quy luật của nền kinh tế thị trường và cần phải được thay đổi trong thời gian tới.

## ***2.2. Có dấu hiệu gì để nhận biết độc quyền?***

Tổng công ty điện lực EVN được coi là độc quyền vì có đầy đủ 3 dấu hiệu sau:

Thứ nhất, toàn bộ thị trường điện được nắm giữ bởi một hoặc một số người bán nhất định. Tính đến năm 2022, trên thị trường có 5 doanh nghiệp là Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Nam và Tổng công ty Điện lực miền Trung mua từ thị trường. Tuy nhiên, thị trường bán buôn điện chưa mang tính cạnh tranh đúng nghĩa khi cả 5 doanh nghiệp này đều trực thuộc EVN.

Thứ hai, sản phẩm của nhà sản xuất được bán trên thị trường là duy nhất mà không có sản phẩm thay thế gần tồn tại. Nói cách khác, đó là việc không tồn tại thị trường sản phẩm liên quan. Điện là sản phẩm rất quan trọng đối với cuộc sống cũng như quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả mọi người cũng như của các doanh nghiệp. Cho đến nay chưa có một nguồn năng lượng nào có thể thay thế được điện năng để cung cấp năng lượng sạch và bền vững.

Thứ ba, tồn tại những rào cản để ngăn cản việc các doanh nghiệp khác kinh doanh trên thị trường liên quan. Rào cản được coi là đặc trưng quan trọng nhất của một thị trường độc quyền bởi lẽ, nếu không có rào cản, các doanh nghiệp khác sẽ lập tức tham gia vào thị trường kinh doanh khi nhà độc quyền thực hiện chính sách tăng giá bán hoặc giảm chất lượng và số lượng sản phẩm. Chính vì vậy, các nhà kinh doanh khi muốn trở thành độc quyền đều cần phải có một rào cản và nhờ vào đó để cản trở các đối thủ khác.

Rào cản thị trường được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó có các hình thức phổ biến như sau: Trong ngành sản xuất và kinh doanh điện, việc có nhiều nhà sản xuất điện cạnh tranh trên thị trường sẽ làm giảm giá bán điện và nâng cao chất lượng điện được cung cấp. Tuy thế, trong một quốc gia thì không nhất thiết mỗi nhà sản xuất điện phải xây dựng một hệ thống dây truyền tải riêng biệt. Đó là điều không thể làm được đối với tất cả các doanh nghiệp vì nó đòi hỏi chi phí rất lớn cũng như gây ra sự lãng phí không cần thiết. Chính vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất điện chỉ cần sử dụng một hệ thống đường truyền tải là đủ. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp nắm giữ hệ thống truyền tải điện sẽ trở thành nhà độc quyền.

Trong những hoàn cảnh nhất định, Chính phủ ở hầu hết các quốc gia đều cần thiết phải sử dụng rào cản do pháp luật tạo ra để đảm bảo phát triển kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng hoặc bảo hộ sản xuất trong nước. Trong những trường hợp đó, sự tồn tại của các rào cản thị trường là hợp lý. Chẳng hạn, việc nhà nước chỉ cho phép một hoặc một số doanh nghiệp được hoạt động trong các lĩnh vực mà nhà nước cần giữ độc quyền như các ngành thuộc an ninh, quốc phòng hay những ngành dịch vụ công ích hoặc những ngành có tác động mạnh và ảnh hưởng đến đời sống của toàn bộ xã hội như: cấp, thoát nước, nắm giữ mạng lưới truyền tải điện quốc gia, mạng lưới đường sắt tàu hỏa...

### ***2.3. Ở góc độ quản lý, anh/chị sẽ làm gì để kiểm soát độc quyền?***

Thời gian tới, Chính phủ nên cụ thể hoá quy định và đưa ra danh mục các lĩnh vực độc quyền nhà nước để bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật và tránh được việc biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Đồng thời, Chính phủ cũng nên thông tin kế hoạch cụ thể đối với việc xoá bỏ độc quyền trong những ngành nghề nhất định. Thực tế cho thấy rằng, những lĩnh vực thuộc về độc quyền nhà nước không phải giống nhau cho mọi quốc gia và cũng không tồn tại ổn định cho mọi thời kỳ, nó phụ thuộc vào hoàn cảnh của mỗi nước. Tuy thế, pháp luật nên quy định theo hướng nhà nước sẽ nắm giữ độc quyền trong các lĩnh vực liên quan đến độc quyền tự nhiên và các lĩnh vực liên quan đến an ninh quốc phòng.

Ngoài ra, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh (sẽ được thành lập theo quy định của Luật Cạnh tranh) cần rà soát lại

các văn bản pháp luật để tìm ra những quy định về hạn chế cạnh tranh bất hợp lý, qua đó, đề xuất cơ quan ban hành văn bản đó sửa đổi hoặc huỷ bỏ cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường nước ta.

Trong đó, cấp thiết nhất là phải tách bạch hoạt động/chi phí khâu phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) và khâu kinh doanh bán lẻ điện (mang tính cạnh tranh). Cần sửa đổi Luật Điện lực, Luật Giá để hoàn thiện các quy định về giá phân phối điện, cũng như các văn bản hướng dẫn dưới luật để có cơ sở pháp lý định giá phân phối điện áp dụng cho các đơn vị sử dụng dịch vụ lưới điện phân phối.

Ngoài ra, cần thiết phải thực hiện cải cách giá điện theo lộ trình để chuyển đổi sang thị trường bán lẻ điện, đảm bảo thực hiện giá điện minh bạch, xác định theo nguyên tắc thị trường, nhằm phản ánh đúng và đầy đủ tất cả các chi phí đầu vào hợp lý, hợp lệ. Đồng thời cần phải đáp ứng các yêu cầu về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng sử dụng điện, chính sách hỗ trợ giá bán lẻ điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách...

Cần tăng tốc, đẩy nhanh việc xây dựng thị trường điện cạnh tranh. Sửa đổi bổ sung Luật Điện lực là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh. Bộ Công Thương cần tiếp tục đẩy nhanh các công việc có liên quan để sớm đưa vào vận hành thí điểm và nhân rộng mô hình thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

Nới rộng khung giá bán lẻ điện bình quân, cho phép điều chỉnh giá bán lẻ linh hoạt hơn theo kịp biến động của thị trường. Giảm và tiến tới xóa bỏ bù chéo về giá bán lẻ điện, thực hiện một mức giá bán lẻ đối với hộ tiêu dùng sinh hoạt và một mức giá bán lẻ đối với sản xuất kinh doanh, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ công thương Việt Nam (2023), Phát triển thị trường điện và điều kiện triển khai xây dựng thị trường bán lẻ điện, truy cập từ: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luong/phat-trien-thi-truong-dien-va-dieu-kien-trien-khai-xay-dung-thi-truong-ban-le-dien.html>
2. Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2014), Giáo trình kinh tế vi mô, NXB Tài chính.
3. Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dương, Trần Bá Thọ (2022), Giáo trình Kinh tế vi mô, NXB Kinh tế TP HCM.
4. Phạm Tiến Mạnh (2017), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thị giá cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tạp chí Khoa học Lạc Hồng Số đặc biệt (11/2017), tr.66-70.
5. Lại Cao Mai Phương và cộng sự (2021), Các yếu tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu: Trường hợp ngành thực phẩm, Tạp chí nghiên cứu và trao đổi, SỐ 61(71), tháng 11-12/2021.